**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 174/NQ-HĐND *Lâm Đồng, ngày 27 tháng 4 năm 2020*

**NGHỊ QUYẾT**

**Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện một số chương trình**

**mục tiêu từ nguồn vốn nước ngoài năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 2503/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;*

*Xét Tờ trình số 1760/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phân bổ kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn vay và viện trợ nước ngoài năm 2020 để thực hiện các chương trình, dự án; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện một số chương trình mục tiêu từ nguồn vốn nước ngoài năm 2020

1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện một số chương trình mục tiêu từ nguồn vốn nước ngoài năm 2020 với tổng số tiền 61.297 triệu đồng (Sáu mươi mốt tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu đồng) cho các chương trình, dự án sau:

a) Dự án Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế: 6.200 triệu đồng.

b) Dự án An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng: 2.549 triệu đồng.

c) Dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên, giai đoạn 2: 50.585 triệu đồng.

d) Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn theo phương thức dựa trên kết quả: 1.963 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Kinh phí sự nghiệp thực hiện một số chương trình mục tiêu từ nguồn vốn nước ngoài năm 2020 còn chưa phân bổ: 7.223 triệu đồng (Bảy tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu đồng).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nội dung và kinh phí phân bổ tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc giao nhiệm vụ và dự toán chi tiết cho từng chủ dự án; đồng thời, chỉ đạo các chủ dự án và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện giải ngân kinh phí đảm bảo đúng tiến độ. Tiếp tục rà soát, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ đối với số kinh phí còn chưa phân bổ tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa IX, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Trần Đức Quận**

**Phụ lục**

**PHÂN BỔ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH**

**MỤC TIÊU TỪ NGUỒN VỐN NƯỚC NGOÀI NĂM 2020**

*(Kèm theo Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2020*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

  *Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên dự án** | **Chủ dự án** | **Tổng mức đầu tư/tổng dự toán kinh phí thực hiện**  | **Lũy kế kinh phí đã phân bổ đến hết năm 2019** | **Kinh phí đã giải ngân đến hết năm 2019** | **Kinh phí còn được phân bổ** | **Kinh phí phân bổ năm 2020** |
| *A* | *B* | *C* | *1* | *2* | *3* | *4=1-3* | *5* |
| 1 | Dự án Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế |   |  53.336  |  31.057  |  13.700  |  39.636  |  6.200  |
| Sở Y tế |  36.507  |  14.585  |  7.315  |  29.192  |  4.355  |
| Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng  |  16.829  |  16.472  |  6.385  |  10.444  |  1.845  |
| 2 | Dự án An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng |  Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh  |  438  |  2.836  |  29  |  409  |  2.549  |
| 3 | Dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên, giai đoạn 2 |   |  189.674  |  169.106  |  21.323  | 168.351  |  50.585  |
| a | Hợp phần A: Tăng cường chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã |  Ban Quản lý dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giai đoạn 2  |  78.587  |  131.357  |  10.151  |  68.436  |  46.377  |
| b | Hợp phần B: Cải thiện chất lượng và dịch vụ y tế tại Trung tâm y tế huyện |  100.286  |  25.601  |  6.569  |  93.717  |  2.779  |
| c | Hợp phần C: Tăng cường năng lực quản lý tại các tuyến |  10.801  |  12.148  |  4.603  |  6.198  |  1.429  |
| 4 | Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn theo phương thức dựa trên kết quả |   |  10.925  |  5.000  |  3.099  |  7.826  |  1.963  |
| a | Tiểu hợp phần 1: Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh (thuộc Hợp phần 2: Vệ sinh nông thôn) |  Sở Y tế  |  2.694  |  1.795  |  314  |  2.380  |  449  |
| b | Hợp phần 3: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát và đánh giá  |  Sở Y tế  |  4.305  |  1.740  |  1.611  |  2.694  |  793  |
|  Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  |  2.492  |  915  |  642  |  1.850  |  481  |
|  Sở Giáo dục và Đào tạo  |  1.434  |  550  |  532  |  902  |  240  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  **254.373**  |  **207.999**  |  **38.151**  | **216.222**  |  **61.297**  |